

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

Bản án số: 07/2017/DS-ST

Ngày: 14/8/2017.

(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khoái Châu, ngày 14 tháng 8 năm 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

****/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Bà Đặng Thị Thêm và ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Vân – CBTA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 8 năm 2007, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2016/TLST-DSST ngày 25/7/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1949.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền: Bà Đặng Thị S, sinh năm 1987.

Chức vụ: Giám đốc quỹ tín dụng.

Trú tại: Thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Đặng Hữu L, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Những người làm chứng:

- Ông Đặng Hữu N, sinh năm 1947;
- Ông Đặng Hữu H, sinh năm 1948;
- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954;
- Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1969.

Đều trú tại: Thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2016, các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân (TDND) B trình bày: Ngày

17/7/2013, anh Đặng Hữu L có vay vốn của Quỹ TDND B số tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) để làm vườn cây nhãn, theo Hợp đồng tín dụng số 187 ngày 17/07/2013. Thời hạn vay là 12 tháng, từ 17/7/2013 đến 17/7/2014, lãi suất 1,1%/ 1tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng (mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước và Quỹ TDND B). Anh Đặng Hữu L ký hợp đồng với tư cách là người vay, người thừa kế cho hợp đồng tín dụng này là chị Nguyễn Thị A – vợ anh L. Để đảm bảo cho khoản vay này thì cùng ngày anh L, chị A đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba là diện tích 180 m² tại Thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên, trên đất có nhà cấp 4 và công trình phụ. Ngoài ra, anh L, chị A còn thế chấp diện tích đất 03 là 864 m² và một số tài sản như tivi, xe máy có giá trị khác. Tổng giá trị tài sản thế chấp vào khoảng 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi được giải ngân số tiền trên thì anh L, chị A đã không chấp hành nghĩa vụ trả gốc và lãi theo như hợp đồng đã ký kết với Quỹ TDND B. Quỹ TDND B đã nhiều lần đôn đốc việc trả nợ nhưng anh L, chị A vẫn không chấp hành. Cụ thể là biên bản làm việc ngày 18/8/2015 anh L trình bày là vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) của Quỹ TDND B là để cho anh trai vợ là ông Nguyễn Duy Đ vay toàn bộ số tiền này. Đến ngày 15/9/2015, anh L đã viết bản trình bày về việc trong tổng số tiền anh L vay của Quỹ Tín dụng nhân dân B thì anh L cho ông Nguyễn Duy Đ (anh vợ) vay số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông Đ đã trả hết số tiền này cho anh. Anh L hẹn đến ngày 20/9/2015 anh L, chị A sẽ trả cho Quỹ TDND B số tiền lãi là 21.705.000 đồng, tiền gốc là 30.000.000 đồng và đến ngày 30/11/2015 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại cho Quỹ TDND B. Tuy nhiên, cho đến nay anh L mới chỉ thanh toán cho Quỹ TDND B số tiền lãi là 21.705.000 đồng, tiền gốc là 30.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng đã cam kết. Mặc dù Quỹ TDND B đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu anh L, chị A trả nợ nhưng anh chị vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vì vậy Quỹ TDND B khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết buộc anh L, chị A phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Quỹ TDND B. Cụ thể:

1. Số tiền gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng);
2. Tiền lãi tính từ ngày đến ngày 31/5/2017 là 76.345.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi mà Quỹ yêu cầu vợ chồng chị phải thanh toán là 196.354.000đ

Tiền lãi kể từ ngày 01/6/2017 cho đến ngày xét xử thì quỹ TDND B không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết.

Trường hợp anh L, chị A không thanh toán được cho Quỹ số tiền gốc và lãi kể trên thì đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết cho Quỹ TDND B được quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Khoái Châu phát mại tài sản thế chấp của anh L, chị A theo như Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba đã ký giữa Quỹ TDND B và vợ chồng anh L, chị A ngày 17/7/2013 để thu hồi nợ vay.

Ngày 17/11/2016 Quỹ TDND B có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện thứ hai là không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba giữa Quỹ TDND B với vợ chồng anh L, chị A với lý do hợp đồng này không tuân thủ về mặt nội dung và hình thức theo quy Đ của pháp luật. Việc thế chấp tài sản chỉ mang tính hình thức, tài sản thế chấp thì không cụ thể. Do vậy, Quỹ TDND B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản trong hợp đồng thế chấp mà Quỹ TDND B đã ký kết với vợ chồng anh L, chị A.

- Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Khoái Châu đã nhiều lần triệu tập anh Đặng Hữu L đến trụ sở TAND huyện Khoái Châu để viết bản tự khai trình bày quan điểm về việc Quỹ TDND B có đơn khởi kiện vợ chồng anh về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, tuy nhiên anh L dù đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày quan điểm của mình.

- Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị A xác nhận anh L có ký Hợp đồng tín dụng với Quỹ TDND B để vay số tiền như Quỹ TDND B đã trình bày ở trên.

Mặc dù, trong hợp đồng tín dụng nêu trên chỉ xác định chị A là người thừa kế và không có chữ ký của chị. Tuy nhiên, trước khi vay số tiền trên thì vợ chồng chị đã cùng bàn bạc, thống nhất vay tiền, cùng sử dụng và mục đích vay được ghi trong hợp đồng tín dụng là làm vườn cây nhãn. Ngay sau khi được Quỹ TDND B giải ngân số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) thì vợ chồng chị có cho anh trai của chị là ông Nguyễn Duy Đ vay số tiền 50.000.000đ. Số tiền 100.000.000đ còn lại vợ chồng chị sử dụng vào việc cho con cái ăn học và mua phân bón nhãn. Đối với khoản tiền cho ông Đ vay thì sau một thời gian ngắn ông Đ đã trả lại cho vợ chồng chị ngay nên ông Đ không có liên quan gì đối với khoản vay trên, khoản tiền đó vợ chồng chị lại sử dụng vào việc chi tiêu gia đình và cho con cái ăn học.

Do quá trình nuôi con ăn học tốn kém vợ chồng chị mới chỉ thanh toán cho Quỹ TDND B số tiền 51.705.000đ. Trong đó, tiền lãi là 21.705.000đ, tiền gốc là 30.000.000đ. Nay Quỹ TDND B khởi kiện đề nghị TAND huyện Khoái Châu buộc vợ chồng chị phải thanh toán cho Quỹ số tiền gốc là 120.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 31/5/2017 là 76.345.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi mà Quỹ yêu cầu vợ chồng chị phải thanh toán là 196.354.000đ thì quan điểm của vợ chồng chị là hoàn toàn nhất trí về tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi nói trên. Tuy nhiên, hiện tại vợ chồng chị không thể ngay một lúc trả ngay cho Quỹ TDND B số tiền nêu trên được. Vì vậy, chị A đề nghị Quỹ TDND B miễn toàn bộ tiền lãi cho vợ chồng chị, còn số tiền gốc vợ chồng chị xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ gốc. Trường hợp Quỹ TDND B không chấp nhận phương án trả nợ nói trên của vợ chồng chị thì chị A đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Chị A cũng nhất trí về việc Quỹ TDND B rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp tài sản.

Chị A thừa nhận chị và anh L đã nhiều lần nhận được Giấy triệu tập của TAND huyện Khoái Châu nhưng do bận công việc nên anh L không thể về Tòa án làm việc theo giấy triệu tập được.

- Tại biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Duy Đ trình bày: Vào khoảng tháng 7/2013, vì cần tiền nên ông Đ có vay của vợ chồng L - A số tiền 50.000.000đ, tuy nhiên một thời gian ngắn sau đó ông Đ đã trả cho vợ chồng anh L, chị A số tiền này do vậy không có liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của Quỹ TDND B thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó Quỹ TDND B đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh L, chị A phải thanh toán tiền nợ gốc là 120.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày 31/5/2017 là 74.649.000 (Bảy mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng) chứ không phải là 76.354.000đ như bà S đã trình bày tại Tòa án trước đây. Sở dĩ có sự thay đổi như trên là do có sự nhầm lẫn trong tính toán về tiền lãi. Tổng số tiền cả gốc và lãi mà anh L, chị A phải thanh toán cho Quỹ TDND B tính đến ngày 31/5/2017 là 194.649.000 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra đại diện theo ủy quyền của Quỹ TDND B còn đề nghị HĐXX: Không buộc anh L, chị A phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà anh L, chị A và Quỹ TDND B đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ gốc vì hoàn cảnh của anh L, chị A khó khăn.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba, Quỹ TDND B xin rút phần yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Bị đơn anh L đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị A đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Những người làm chứng ông Đặng Hữu N, ông Đặng Hữu H, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Duy Đ đều có quan điểm xin được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn là anh L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị A chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của BLTTDS năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của BLDS 2005, khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 27 - Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng anh L, chị A phải trả cho Quỹ TDND B nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 31/5/2017 là 194.649.000 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Đình chỉ xét xử đối với Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Yêu cầu của Quỹ TDND B được chấp nhận nên hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc anh Đặng Hữu L và chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.732.450đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Quan hệ tranh chấp trong vụ án: Ban đầu Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 - BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31-3-2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trong Hợp đồng tín dụng 187 ngày 17/7/2013, anh L, chị A vay tiền của Quỹ TDND B với mục đích là làm vườn cây nhãn thì đương nhiên là vì mục đích lợi nhuận chứ không phải mục đích tiêu dùng. Còn thực tế anh L, chị A sử dụng số tiền vay vào mục đích khác thì anh L, chị A vẫn phải chịu trách nhiệm với hợp đồng tín dụng mà anh L, chị A đã ký. Nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này phải xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” mới đúng pháp luật. Mặc dù khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự, cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chưa vi phạm về thời hạn giải quyết đối với án kinh doanh thương mại.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu không tổng đạt được thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn là anh Đặng Hữu L. Tuy nhiên, Quỹ tín dụng nhân dân B cũng đã cung cấp đầy đủ, đúng địa chỉ nơi cư trú được ghi trong hợp đồng tín dụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị A cũng đã khẳng định anh L vẫn đăng kí hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã B, anh L vẫn thường xuyên về nhà khi có công việc, anh L biết được nội dung thông báo thụ lý cũng như biết việc TAND huyện Khoái Châu nhiều lần có giấy triệu tập anh L. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Khoái Châu đã liên lạc trực tiếp với anh Đặng Hữu L qua số điện thoại 0979982629 nhưng anh L nói là bận công việc nên anh L không về tham gia tố tụng được điều đó chứng tỏ anh L cố tình giấu địa chỉ. Mặt khác, một số người làm chứng đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 3 Điều 40,

điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 228, Điều 229 của Bộ luật dân sự năm Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại đơn khởi kiện và tại các biên bản ghi lời khai tại TAND huyện Khoái Châu thì đại diện theo ủy quyền của Quỹ TDND B là bà Đặng Thị S yêu cầu anh L, chị A phải trả cho quỹ tín dụng số tiền nợ gốc là 120.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày 31/5/2017 là 76.354.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà S yêu cầu anh L, chị A phải trả cho quỹ TDND B số tiền lãi tính đến ngày 31/5/2017 là 74.649.000 (Bảy mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng) chứ không phải là 76.354.000đ. Xét thấy việc sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà S nêu trên là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 17/7/2013, anh Đặng Hữu L có vay của Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền 150.000.000đ với mục đích vay thể hiện trong hợp đồng tín dụng là để làm vườn cây nhãn. Thời hạn vay là 12 tháng từ 17/7/2013 đến 17/7/2014, lãi suất 1,1%/ 1tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng (mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước và QTDND B). Hợp đồng tín dụng này được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, theo sự thỏa thuận của các bên đồng thời đảm bảo đúng Điều lệ hoạt động của Quỹ tín dụng cũng như quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Tại Hợp đồng tín dụng số 187 ngày 17/7/2013, thì anh L là người đứng tên vay Quỹ tín dụng nhân dân B và chị A chỉ là người thừa kế khoản vay này. Tuy nhiên, trong biên bản ghi lời khai chị A trình bày là khi anh L vay khoản vay này thì vợ chồng anh, chị đã cùng bàn bạc và mục đích vay tiền nhằm mục đích làm vườn nhãn, tiêu dùng chung và nuôi con ăn học. Vợ chồng anh L, chị A cũng đã thống nhất cùng đứng ra chịu trách nhiệm đối với khoản vay này. Nhưng cho đến nay anh L, chị A mới chỉ thanh toán cho Quỹ TDND B số tiền gốc là 30.000.000đồng và 21.705.000 đồng tiền lãi.

Đối với yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của Quỹ TDND B thể hiện bằng Hợp đồng tín dụng số 187, ngày 17/7/2013 với số nợ gốc anh L, chị A chưa trả là 120.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 31/5/2017 là 74.649.000 (Bảy mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi mà anh L, chị A phải thanh toán cho Quỹ TDND B tính đến ngày 31/5/2017 là 194.649.000 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Việc Quỹ TDND B yêu cầu anh L, chị A trả nợ gốc và tính lãi suất theo từng thời điểm, lãi quá hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 91 - Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/ QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/02/2005 và Bộ luật dân sự năm 2005.

Mặc dù anh L cố tình lẩn tránh không trình bày quan điểm của mình nhưng chị A cũng nhất trí với số nợ gốc và tiền lãi mà Quỹ TDND B đã tính như trên. Tuy nhiên, chị A đề nghị Quỹ TDND B cho vợ chồng chị xin trả toàn bộ số nợ gốc là 120.000.000đ nhưng trả dần mỗi tháng 10.000.000đ cho đến khi hết nợ gốc, còn tiền

lãi là 74.649.000đ thì chị A xin miễn toàn bộ. Phía Quỹ TDND B không chấp nhận. Nên cần buộc anh L, chị A phải trả cho Quỹ TDND B tổng số nợ gốc và lãi là 194.649.000 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Việc Quỹ TDND B không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết lãi suất từ ngày 01/6/2017 cho đến ngày xét xử và không yêu cầu anh L, chị A phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà anh L, chị A và Quỹ TDND B đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc Quỹ TDND B rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng hoàn toàn nhất trí nên được Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4]. Về án phí: Cần áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án để tính án phí như sau:

Yêu cầu khởi kiện của Quỹ TDND B được chấp nhận nên hoàn trả lại cho Quỹ TDND B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001536, ngày 25/7/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

Cần buộc vợ chồng anh Đặng Hữu L và chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản tranh chấp trong vụ án được xác định như sau:

Giá trị tài sản tranh chấp là: 194.649.000đồng x 5% = 9.732.450đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B.

- Buộc anh Đặng Hữu L và chị Nguyễn Thị A phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B tổng số tiền là 194.649.000 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân B có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà bên bị thi hành án không thi hành khoản tiền trên, thì phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử đối với Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí:

- Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001536, ngày 25/7/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

- Buộc anh Đặng Hữu L và chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.732.450đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án, phần quyết định có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS K/C;
- Lưu HSVA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương